TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2024
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Vĩnh

Bà Bùi Thị Vân

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc *"Ly hôn,tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt)

Bị đơn: Anh Khổng Văn L, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn Ng, xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 19/4/2024, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị kết hôn với anh Khổng Văn L ngày 23/6/2017 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và không bị ai lừa dối, ép buộc kết hôn. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh L ngay. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6 năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm về cuộc sống, chị có nghi ngờ anh L không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng vợ chồng thường xuyên không quan tâm, chia sẻ, chăm sóc dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2023 chị đưa con về nhà bố mẹ chị ở tại xã Th, huyện L và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Khi sống ly thân anh L không nhắn tin, gọi điện hoặc có hành động để vợ chồng hàn gắn tình cảm, do đó hai bên không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng cũng như khắc phục mâu thuẫn. Nay chị xác định đời sống chung vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Khổng Gia B, sinh ngày 23/01/2022 và hiện nay con đang ở cùng chị H. Ly hôn chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm lao động tự do bán hàng tạp hóa với mức thu nhập bình quân khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng nên chị xác định đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dạy con được tốt nhất nên không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Khổng Văn L đã được Tòa án thực hiện việc triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh L không đến Tòa án làm việc; không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; phiên hòa giải. Anh L không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn của chị H. Tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt mặc dù đã được tống đạt giấy báo, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Kết quả xác minh tại địa phương và làm việc với bà Kiều Thị Th (mẹ đẻ anh L) xác định anh L biết việc Tòa án đang tiến hành giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét

xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật như vắng mặt không có lý do từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Khổng Văn L. Về nuôi con: Đề nghị giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Hiện nay con đang ở cùng chị H. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu sau này anh L đề nghị giải quyết về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: không xem xét giải quyết.Về án phí: Chị H phải chịu nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Khổng Văn L đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh L không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy bị đơn là anh Khổng Văn L vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh L là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị có nghi ngờ anh L không chung thủy nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ năm 2022 và vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2023 đến nay nhưng hai bên đều không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình cảm vợ chồng. Xác minh UBND xã C thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh L mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, việc chị H xin ly hôn anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Anh L vắng mặt

không đến Tòa án làm việc thể hiện anh L cố tình gây khó khăn cho chị H và không có mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H được ly hôn anh L.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Khổng Gia B, sinh ngày 23/01/2022, hiện nay con đang ở cùng chị H. Ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B và chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay cháu B dưới 36 tháng tuổi và kể từ thời điểm sau khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu B đang ở cùng chị H. Do vậy để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt và ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo của chị H là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hiện nay chị H đang làm lao động tự do với thu nhập từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đủ điều kiện kinh tế chăm sóc con nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Sau này nếu anh L có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị H không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô là có căn cứ và phù hợp với với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Khổng Văn L.

2. Về nuôi con: Chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là Khổng Gia B, sinh ngày 23/01/2022. Hiện nay con đang ở cùng chị H. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0000922 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị H đã nộp đủ án phí.

4.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Sông Lô;*
- *Chi cục THADS huyện Sông Lô;*
- *UBND xã C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Khương Đặng Khánh Hằng

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng